

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ**Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm***Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;**Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc trích nộp, sử dụng; tổ chức quản lý, điều hành; tài chính, kế toán của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm (sau đây gọi tắt là Quỹ) và trách nhiệm của các đơn vị liên quan theo quy định tại Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người được bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, gồm: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe (sau đây gọi tắt là “doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ”); doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

3. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi tắt là “chi nhánh nước ngoài”).

4. Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam.

5. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý Quỹ

1. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được quản lý tập trung tại Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và được hạch toán, quản lý, theo dõi riêng đối với loại hình bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ;

2. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm có tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại và được sử dụng con dấu của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam;

3. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, các văn bản pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 TRÍCH NỘP QUỸ

Điều 4. Mức trích nộp Quỹ

1. Số tiền trích nộp Quỹ tối đa không vượt quá 0,3% tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại thuộc các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Mức trích nộp Quỹ cụ thể do Bộ Tài chính công bố bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Việc trích nộp Quỹ được thực hiện đến khi quy mô của Quỹ trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 5% tổng tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài và quy mô của Quỹ trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 3% tổng tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ trong năm tài chính trước liền kề.

Điều 5. Thời hạn trích nộp Quỹ

1. Trước ngày 30/6 hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nộp 50% số tiền phải nộp Quỹ của năm tài chính trước liền kề.

2. Trước ngày 31/12 hàng năm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nộp 50% số tiền phải nộp Quỹ còn lại của năm tài chính trước liền kề.

Mục 2 **SỬ DỤNG QUỸ**

Điều 6. Nguyên tắc chi trả của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản.

2. Quỹ chỉ chi trả đối với hợp đồng bảo hiểm gốc và chi trả một lần đối với mỗi hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm.

3. Trường hợp chuyển giao hợp đồng bảo hiểm từ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mất khả năng thanh toán, doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác, số tiền do Quỹ chi trả theo hạn mức quy định tại Điều 7 Thông tư này được chuyển trực tiếp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nhận chuyển giao.

4. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị mất khả năng thanh toán, Quỹ chỉ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải trả theo hợp đồng bảo hiểm và số tiền người được bảo hiểm được nhận từ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.

5. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản, Quỹ chỉ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền doanh nghiệp bảo hiểm phải trả theo hợp đồng bảo hiểm và số tiền người được bảo hiểm được nhận theo quy định của pháp luật về phá sản.

6. Trường hợp người được bảo hiểm có nghĩa vụ trả nợ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật, Quỹ chỉ chi trả phần chênh lệch giữa số tiền người được bảo hiểm được nhận theo hạn mức quy định tại Điều 7 Thông tư này và số tiền người được bảo hiểm còn nợ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.

Điều 7. Hạn mức chi trả của Quỹ

1. Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, Quỹ chi trả tối đa 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng. Mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tương ứng với từng trường hợp được quy định như sau:

a) Đối với các hợp đồng đã xảy ra sự kiện bảo hiểm nhưng chưa được chi trả quyền lợi bảo hiểm, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm là quyền lợi bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm;

b) Đối với các hợp đồng mang tính tiết kiệm, có giá trị hoàn lại và đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với giá trị hoàn lại của hợp đồng tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

c) Đối với các hợp đồng chỉ mang tính bảo vệ, không có giá trị hoàn lại và đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng phần phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;

d) Đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư đang còn hiệu lực, mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm tương ứng với giá trị tài khoản của khách hàng tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

đ) Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có nhiều người được bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa của Quỹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này được áp dụng đối với từng người được bảo hiểm, trừ trường hợp giữa những người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận khác tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe:

a) Quỹ chi trả tối đa 90% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nhưng không quá 200 triệu đồng/người được bảo hiểm/hợp đồng.

b) Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có nhiều người được bảo hiểm, hạn mức chi trả tối đa của Quỹ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được áp dụng đối với từng người được bảo hiểm, trừ trường hợp giữa những người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận khác tại hợp đồng bảo hiểm.

3. Đối với hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ:

a) Đối với hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, Quỹ chi trả tối đa mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài thuộc phạm vi bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Đối với hợp đồng bảo hiểm thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật, Quỹ chi trả tối đa 80% mức trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

Điều 8. Thủ tục sử dụng Quỹ

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm gửi Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam một (01) bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị sử dụng Quỹ;

b) Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc văn bản xác nhận về phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm đã được thực hiện xong (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);

c) Bảng thống kê danh sách người được bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và các hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không có khả năng thanh toán; các khoản phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm; thu đòi người thứ ba tại thời điểm Bộ Tài chính có quyết định về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc tại thời điểm đã thực hiện xong phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản).

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản lý Quỹ và Ban điều hành Quỹ có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Ban điều hành Quỹ kiểm tra hồ sơ yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài để xác định chính xác số tiền chi trả;

b) Ban điều hành Quỹ xây dựng phương án chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường; hoàn phí bảo hiểm để trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Bộ Tài chính trước khi thực hiện;

c) Ban điều hành Quỹ thông báo công khai việc chi trả cho người được bảo hiểm trên các báo hàng ngày (ít nhất trên một tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh và địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài) bằng tiếng Việt trong ba (03) số liên tiếp, đồng thời niêm yết danh sách các đối tượng được chi trả tại trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài và trang thông tin điện tử của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài. Nội dung thông báo phải nêu rõ địa điểm, thời gian, phương thức chi trả tiền của Quỹ;

d) Ban điều hành Quỹ thực hiện chi trả theo phương án đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Trong trường hợp ủy quyền cho ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện chi trả, Hội đồng quản lý Quỹ phải ký hợp đồng ủy quyền với ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng ủy quyền phải nêu rõ trách nhiệm của ngân hàng trong việc sử dụng số tiền mà Hội đồng quản lý Quỹ chuyển sang để chi trả theo đúng quy định;